

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH**

Ghi chú:

- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy chế BKS hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **bôi đậm, gạch chân**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy chế BKS đề xuất sửa đổi, bổ sung” là phần **in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP là Nghị định ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Quy chế BKS hiện hành (1)	Quy chế BKS đề xuất sửa đổi, bổ sung (2)	Lý do sửa
<p>Căn cứ Luật doanh nghiệp số <u>68/2014/QH</u> được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26/11/2014</u>.</p> <p>Căn cứ Nghị định số <u>71/2017/NĐ-CP</u> ngày <u>06/6/2017</u> của Chính phủ về hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>Căn cứ Thông tư số <u>95/2017/TT-BTC</u> ngày <u>22/9/2017</u> của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số <u>71/2017/NĐ-CP</u> ngày <u>06/6/2017</u> của Chính phủ về hướng dẫn Quản trị Công ty áp</p>	<p>Căn cứ Luật doanh nghiệp số <i>59/2020/QH14</i> được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <i>17/06/2020</i>;</p> <p>Căn cứ Nghị định số <i>155/2020/NĐ-CP</i> ngày <i>31/12/2020</i> của Chính phủ về hướng dẫn Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>Căn cứ Thông tư số <i>116/2020/TT-BTC</i> ngày <i>31/12/2020</i> của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số <i>155/2020/NĐ-CP</i> ngày <i>31/12/2020</i> của Chính phủ về hướng dẫn Quản trị</p>	<p>Cập nhật lại các văn bản pháp luật thay thế</p>

dụng đối với Công ty đại chúng; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.	Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.	
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng	
1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc của Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty và quy định của Pháp luật.	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, chế độ làm việc của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty và quy định của Pháp luật.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Phụ lục IV TT 116/2020/TT-BTC
2. Quy chế này áp dụng đối với Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh, <u>kiểm soát viên công ty và các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.</u>	2. Quy chế này áp dụng đối với Ban kiểm soát và và thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh.	
<u>Không có</u>	<i>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát</i> <i>Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.</i>	Bổ sung theo điều 2 Phụ lục IV TT 116/2020/TT-BTC

Điều 2 . Giải thích từ ngữ	Điều 3 . Giải thích từ ngữ	
<p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:</p> <p>a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>b) “Ban Điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>c) “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh đang có hiệu lực thi hành, là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh, được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ;</p> <p>d) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội” có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh</p> <p>e) “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>f) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	<p>1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:</p> <p>a) “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>b) “Ban Điều hành” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;</p> <p>c) “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh đang có hiệu lực thi hành, là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh, được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ;</p> <p>d) “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “Đại hội” có nghĩa là tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh</p> <p>e) “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần cổ phần Xích Líp Đông Anh;</p> <p>“Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.</p>	
<p>2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh.</p>	<p>2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty cổ phần Xích Líp Đông Anh.</p>	
CHƯƠNG II.	CHƯƠNG II.	Phân tách rõ chương II quy định về thành viên

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	Ban kiểm soát, chương III quy định về Ban kiểm soát
<p><u>Chuyển nội dung Điều 7 cột (1) lên (do sắp xếp theo Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC):</u></p> <p>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên Công ty có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p> <p>2. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, Quy định, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>3. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>4. Trung thành với lợi ích của Công ty và các cổ đông; Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty.</p>	

<p>5. Phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty. Trường hợp che dấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới.</p> <p>6. Trường hợp vi phạm quy định tại điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>7. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>8. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực nghiệp vụ, có trách nhiệm thông tin tới Trưởng Ban kiểm soát kết quả kiểm soát trong lĩnh vực được phân công.</p>		
<p><u>Chuyển nội dung Điều 7 cột (1) lên (do sắp xếp theo Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC):</u></p> <p>Điều 4. Chế độ hoạt động của Ban kiểm soát</p> <p>1. Theo Điều 34 Điều lệ công ty: số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó ít nhất một thành</p>	<p>Điều 5. Thành phần Ban kiểm soát</p> <p>1. Theo Điều 34 Điều lệ công ty: số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Chuyển nội dung “TV BKS không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán ... kiểm toán các</p>

viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. <u>Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</u>		BCTC” trong khoản 1 cột (1) xuống điều 6 cột (2) về tiêu chuẩn, điều kiện của TV BKS
2. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên và Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên theo Điều lệ Công ty quy định. Các Kiểm soát viên bầu một trong số các thành viên trong Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán.	2. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên và Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên theo <i>quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.</i> Các Kiểm soát viên bầu một trong số các thành viên trong Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về tài chính kế toán.	Bổ sung chi tiết dẫn chiếu
3. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và được Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	3. <i>Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ công ty.</i>	Bổ sung theo điều 35 Điều lệ công ty
4. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.	4. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.	
5. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên có trách nhiệm	Bỏ	Do đã được quy định tại khoản 6 điều 36 Điều lệ

tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu hoặc cho các thành viên còn lại của Ban kiểm soát (trong trường hợp chưa bầu được các thành viên thay thế) trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.		công ty
	<p>5. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>6. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	Bổ sung theo điều 4 phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 3 . Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên	Điều 6 . Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên	
<p>1. Kiểm soát viên phải từ hai mươi một (21) tuổi trở lên, trình độ tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Không phải là <u>vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.</p> <p>3. Có kinh nghiệm công tác, có trình độ chuyên môn, <u>có hiểu biết về</u> hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>	Kiểm soát viên <i>phải đáp ứng các điều tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 36 Điều lệ công ty.</i>	

<p>4. Có sức khỏe, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết pháp luật.</p> <p>5. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>		
<p><u>Chuyển nội dung Điều 6 cột (1) lên (do sắp xếp theo Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC):</u></p> <p>Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Phụ trách chung mọi hoạt động của Ban kiểm soát để thực hiện các quyền và trách nhiệm theo Điều lệ Công ty.</p> <p>Tổ chức, chỉ đạo và điều hành toàn diện hoạt động của Ban kiểm soát, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>3. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>5. Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng quý, sáu tháng, hàng năm khi</p>	<p>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; <i>Trưởng Ban kiểm soát có đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>thông qua Hội đồng quản trị và tổ chức thực hiện theo chương trình, kế hoạch đã được xây dựng.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên.</p> <p>7. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.</p> <p>8. Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
<u>Không có</u>	<p><i>Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p><i>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 35 Điều lệ công ty.</i></p>	Bổ sung theo điều 7 phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC
<u>Không có</u>	<p><i>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p><i>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ công ty.</i></p>	Bổ sung theo điều 8 phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC
<p>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm</p>	<p>Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp <i>quy định tại</i></p>	

<p>Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p> <p>2. <u>Ngoài các trường hợp quy định tại Khoản 1 điều này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	<p><i>khoản 4 Điều 36 Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 36 Điều lệ công ty.</i></p>	
	<p><i>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</i></p> <p><i>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tương tự quy định tại</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 10 phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p><i>khoản 1 Điều 24 Điều lệ công ty.</i></p> <p><i>2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.</i></p>	
<p>Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>Thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; 2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý, các chi phí phát sinh khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật <u>về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u> 	<p>Điều 12. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>Thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại <i>Điều 40 Điều lệ công ty.</i></p>	

	CHƯƠNG III. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	Điều 13. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	
<p>1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị, thực hiện các cuộc kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.</p> <p>4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng, năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Xem xét sổ sách kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo Quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông</p>	<p><i>Ban kiểm soát có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>quy định tại khoản khoản 3 Điều 10 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>7. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p> <p>9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>10. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>		
---	--	--

<p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế, quy trình hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được sự thống nhất của Hội đồng quản trị.</p> <p>13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>14. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>15. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
Điều 8 . Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	Điều 14 . Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	
<p>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối</p>	<i>Ban kiểm soát có quyền được cung cấp các thông tin quy định tại Khoản 3 Điều 38 Điều lệ công ty.</i>	

<p>với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.</p>		
	<p><i>Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</i></p> <p><i>1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>CHƯƠNG <u>III</u>.</p> <p><u>HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</u></p>	<p>CHƯƠNG <i>IV</i>.</p> <p><i>CUỘC HỌP</i> BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Do chương này chủ yếu đề cập đến cuộc họp Ban kiểm soát</p>
<p>Điều 11. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các Kiểm soát viên căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình của Ban kiểm soát. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực, có trách nhiệm tham mưu và thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến với Ban kiểm soát đối với lĩnh vực được phân công. Việc phân công chỉ mang tính chất tương đối, mỗi Kiểm soát viên không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc nhiệm vụ và chức năng chung của Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 16. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các Kiểm soát viên căn cứ theo nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm thực hiện chương trình của Ban kiểm soát. Mỗi thành viên được phân công chuyên trách một lĩnh vực, có trách nhiệm tham mưu và thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến với Ban kiểm soát đối với lĩnh vực được phân công. Việc phân công chỉ mang tính chất tương đối, mỗi Kiểm soát viên không chỉ thực hiện kiểm tra, giám sát lĩnh vực được phân công mà còn thực hiện kiểm soát ở các lĩnh vực khác, thuộc nhiệm vụ và chức năng chung của Ban kiểm soát.</p>	
<p>3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo tài chính hằng năm, 06 tháng của Công ty, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được yêu cầu bởi</p>	<p>3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo tài chính hằng năm, 06 tháng của Công ty, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được yêu cầu bởi</p>	

<p> cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. </p>	<p> cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. </p>	
<p>Điều 12. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát họp tối thiểu 02 lần/năm. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban kiểm soát đều phải có sự chuẩn bị trước về nội dung. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ vào mục đích cuộc họp phân công cho các kiểm soát viên, bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung, tài liệu cho cuộc họp.</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các Kiểm soát viên. Trong trường hợp không thể dự họp, Kiểm soát viên có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.</p> <p>3. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên của Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham gia hoặc qua người thay thế là một trong các Kiểm soát viên được ủy quyền. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong số các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chủ tịch Hội đồng quản trị; b. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên họp Hội đồng quản trị. 	<p>Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát</p> <p><i>Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành theo quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>c. Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>d. Ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban kiểm soát.</p> <p>e. Tổng Giám đốc</p> <p>4. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do các Kiểm soát viên thống nhất. Hình thức tổ chức họp mặt Ban kiểm soát có thể là trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như điện thoại, Internet, ... Việc tham gia cuộc họp thông qua các hình thức trên vẫn được coi là cuộc họp chính thức và phải được ghi lại trong biên bản họp.</p> <p>5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</p>		
<p>Điều 13. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát</p> <p>1. Mỗi kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp mà có ủy quyền bằng văn bản cho một Kiểm soát viên khác tham dự cuộc họp thì thành viên được ủy quyền có quyền thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp thành viên đó là đối tượng không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề cần biểu quyết.</p>	<p>Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát</p> <p><i>Ban kiểm soát thông qua quyết định theo các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 39 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>2. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu đa số Kiểm soát viên có quyền tham dự biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía chủ tọa cuộc họp.</p>		
<p>Điều 14. Biên bản họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ bằng tiếng Việt vào biên bản họp. Đồng thời phải được tất cả các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của biên bản họp. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp. Biên bản họp đánh số trang, đánh dấu giáp lai (nếu cần) và lưu giữ cẩn thận theo Quy định của Công ty.</p> <p>2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí và gửi biên bản cuộc họp của Ban kiểm soát tới các Kiểm soát viên. Biên bản họp này sẽ được coi là bằng chứng về những vấn đề được quyết định tại cuộc họp.</p>	<p>Bỏ</p>	<p>Đã nêu tại điều 39 Điều lệ, mặt khác điều 17 Quy chế này cũng đã dẫn chiếu sang điều 39 Điều lệ</p>
	<p><i>Chương V</i></p> <p><i>BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH</i></p> <p><i>Điều 19. Trình báo cáo hàng năm</i></p> <p><i>Ban kiểm soát phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 16, 17, 18 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p><i>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p>Điều 20. Tiền lương và quyền lợi khác</p> <p><i>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo điều 40 điều lệ Công ty.</i></p> <p>Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p><i>Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	
<p>CHƯƠNG IV</p> <p>MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>CHƯƠNG VI.</p> <p>MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</p>	
	<p>Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.</i></p>	<p>Bổ sung theo điều 19 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
<p>Điều 15. Mối quan hệ của Ban kiểm soát với Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại</p>	<p>Điều 23. Mối quan hệ của Ban kiểm soát với Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Ban kiểm soát báo cáo cổ đông tại kỳ họp Đại</p>	

<p>hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Ban kiểm soát chỉ được thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật và/hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.</p>	<p>hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Ban kiểm soát chỉ được thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật và/hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.</p>	
<p>Điều 16. Mỗi quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị</p> <p>1. Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức của Công ty, quan hệ với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng, độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Trong các phiên họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm.</p> <p>3. Ban kiểm soát tham gia cùng với đoàn công tác kiểm tra, kiểm soát khi Hội đồng quản trị có yêu cầu.</p> <p>4. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ, định kỳ hoặc đột xuất sau khi kết thúc việc kiểm tra, kiểm soát.</p> <p>5. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Hội đồng quản trị xem xét, quyết định xử lý đối với các kết luận của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện của Công ty các kết luận và xử lý của Hội</p>	<p>Điều 24. Mỗi quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị</p> <p><i>Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 48 và Điều 51 Điều lệ công ty.</i></p>	

<p>đồng quản trị.</p> <p>6. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác của Hội đồng trị chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội để thẩm định.</p> <p>7. Ban kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.</p>		
<p>Điều 17. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc Công ty</p> <p>1. Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên trong quá trình làm việc với Tổng Giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.</p> <p>2. Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra, kiểm toán.</p> <p>3. Ban Tổng Giám đốc thông báo ngay cho Ban kiểm soát khi phát hiện những yếu kém, sai phạm gây tổn thất cho Công ty hoặc các thông tin, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh tác động xấu đến các cổ đông.</p>	<p>Điều 25. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Tổng Giám đốc Công ty</p> <p><i>Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Điều lệ công ty.</i></p>	
<p>Điều 18. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty</p>	<p>Điều 26. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty</p>	

<p>1. Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	<p>1. Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra, kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về tính đầy đủ, trung thực, hợp lý của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát.</p> <p>2. Các đơn vị, bộ phận điều hành của Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>	
<p>CHƯƠNG V</p> <p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	<p>CHƯƠNG VII.</p> <p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	
<p>Điều 19. Sửa đổi và bổ sung Quy chế</p> <p>Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, Ban kiểm soát sẽ xem xét và quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty có những quy định mới liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh và bổ sung vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kể từ ngày những quy định đó có hiệu lực.</p>	<p>Điều 27. Sửa đổi và bổ sung Quy chế</p> <p>Trong quá trình thực hiện Quy chế này, khi thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, Ban kiểm soát sẽ xem xét và quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong trường hợp có những quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty có những quy định mới liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh và bổ sung vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kể từ ngày những quy định đó có hiệu lực.</p>	
<p>Điều 20. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 05 chương 20 Điều được Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh nhất trí thông qua ngày 02 tháng 5 năm 2019, có</p>	<p>Điều 28. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 07 chương 28 Điều được Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có</p>	

<p>hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.</p> <p>2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.</p> <p>4. Các quy định khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.</p> <p>2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.</p> <p>3. Các Kiểm soát viên Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.</p> <p>4. Các quy định khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
--	--	--